

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 28/04/2026**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTK3+PPD	7:25	5+17	0+0		5+17	0+0	
2		TGTH1+AMD	7:25	4+13	0+0		6+13	0+0	
3		RP3+PPD	7:25	5+15	0+0		0+22	0+0	
4		HSD+AMD+P7	9:25	5+10+1	0+0+0		4+15+3	0+0+0	
5		BK3+P10+TTC1	9:25	11+1+4	0+0+0		11+6+5	0+0+0	
6		T.UNG	11:25	18	0		14	0	

TTBDSX



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: CTK3 - PPD	CREW: LTUÁN - DƯƠNG - VŨ	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/1824	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN VIET MINH HOANG	CTK3	40	1	8			86	ANTOAN	Vietnamese
2	CAO VAN THANG	CTK3	37	1	5	4	70	76	WOGC	Vietnamese
3	NGUYEN HUY HIEU	CTK3	41	1	5			59	PSV	Vietnamese
4	LE DAC NHA	CTK3	38-39	2	8			60	PSV	Vietnamese
5	NGUYEN DINH THANG	PPD	28	1	6			57	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN VAN THANG	PPD	18	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN NGOC CU	PPD	21	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
8	VU VAN HUY	PPD	25-27	3	21			65	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN VAN TUONG	PPD	17	1	4			73	KHI	Vietnamese
10	TRAN DUC MINH	PPD	34-35	2	10	2	8	74	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN MINH KHOI	PPD	24	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN THANH HIEN	PPD	32	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
13	TO QUANG HUY	PPD	30-31	2	8			66	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN QUOC VIET	PPD	29	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
15	DO HUU THAI	PPD	22-23	2	13			60	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TRONG KHOI	PPD	16	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN TRUNG KIEN	PPD	33	1	9	3	50	66	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN VAN VINH	PPD	19-20	2	16			73	KH-THAC	Vietnamese
19	LE SY KHOA	PPD						75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN XUAN NINH	PPD	38-39	2	9			72	Y-TE	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	4	281	5	26	4	70	5		
2	PPD	16	1.096	22	131	5	58	17		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>1.377</b>	<b>27</b>	<b>157</b>	<b>9</b>	<b>128</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.377</b>		<b>157</b>		<b>128</b>			

GRAND TOAL: 1.662 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

LƯƠNG MẠNH TUẤN

BÙI HOÀNG DƯƠNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: TGTH1 - AMD	CREW: TRINH - NKHANH	ETA: 09:40
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/1816	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN DUY LAM	TGTH1	40	1	11			61	HLJOC	Vietnamese
2	NGUYEN ĐỨC NHÀ	TGTH1	41	1	8			55	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI VAN HUONG	TGTH1	39	1	10			69	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÀU SY ĐIỆP	TGTH1	38	1	7			78	KH-THAC	Vietnamese
5	DƯƠNG NHẬT QUANG	AMD	36	1	7			64	BAB	Vietnamese
6	TRUONG XUAN CHI	AMD	41	1	9			70	TLJOC	Vietnamese
7	HY TAC SANG	AMD	47-48	2	14			70	TLJOC	Vietnamese
8	NGUYEN NHU BAO CHUONG	AMD	34-35	2	8			81	KH-THAC	Vietnamese
9	TRINH VAN PHA	AMD	31	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN XUAN THANH	AMD	37	1	5	1	18	62	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN NGOC PHUC	AMD	40	1	4			61	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN HIEU THAO	AMD	46	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN QUANG LONG	AMD	32	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN MANH CAN	AMD	33	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
15	DUONG CONG TAN	AMD	45	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG DINH VINH	AMD	38-39	2	17			66	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN CONG TRI	AMD	42-44	3	19			87	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TGTH1	4	263	4	36	0	0	6		
2	AMD	13	884	18	109	1	18	13		
<b>TOTAL</b>		<b>17</b>	<b>1.147</b>	<b>22</b>	<b>145</b>	<b>1</b>	<b>18</b>	<b>19</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.147</b>		<b>145</b>		<b>18</b>			

GRAND TOAL: 1.310 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

TRẦN KHÁNH TRINH

NGUYỄN VĂN KHÁNH



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO:RP3 - PPD	CREW: HUNG - NPHU - TOAN	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/1826	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRẦN QUỐC ĐẠI	RP3				2	18	83	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	RP3	54	1	14			69	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ QUANG ĐẠO	RP3	51-52	2	16			81	KH-THAC	Vietnamese
4	TẠ HỒNG QUÂN	RP3	55	1	13			69	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU LUAN	RP3	53	1	12			69	KHOAN	Vietnamese
6	ĐO XUÂN HÀ	PPD	98	1	5	1	20	56	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ ANH TUẤN	PPD	94-95	2	12			61	KH-THAC	Vietnamese
8	NGO SACH ĐỨC	PPD	70	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN QUANG THẮNG	PPD	75	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN LINH	PPD	74	1	4			74	NIPI	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC LƯU	PPD	92	1	6			74	PSV	Vietnamese
12	BUI XUÂN ĐIỆP	PPD	73	1	8			63	PSV	Vietnamese
13	PHẠM VIỆT HOANG	PPD	300	1	4			51	PSV	Vietnamese
14	VŨ THẾ LIÊN	PPD	93	1	5			63	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH LÂM	PPD	72	1	8			79	PSV	Vietnamese
16	PHẠM VĂN GIANG	PPD	96	1	7			62	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN MINH ĐÔNG	PPD	71	1	2			44	PSV	Vietnamese
18	TRẦN VĂN THUẬT	PPD	97	1	3			68	PSV	Vietnamese
19	PHẠM THANH HÙNG	PPD	99	1	5			64	PSV	Vietnamese
20	BUI SONG TOAN	PPD	76	1	7			72	DK9	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	5	371	5	55	2	18	0		
2	PPD	15	980	16	82	1	20	22		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>1.351</b>	<b>21</b>	<b>137</b>	<b>3</b>	<b>38</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.351</b>		<b>137</b>		<b>38</b>			

GRAND TOAL: 1.526 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HUNG  
ĐÀO NGỌC PHÚ



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: HSD - AMD - P7	CREW: LTUÁN - DƯƠNG - VŨ	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM26/1825	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN BA QUAN	HSD	76-77	2	10			81	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐOÀN THANH MAI	HSD	75	1	3			61	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ THANH TÙNG	HSD	82	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VIỆT THĂNG	HSD	78	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM ANH TUẤN	HSD	79-80	2	14			62	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ QUỐC THUẬN	HSD	81	1	3			63	PSV	Vietnamese
7	THAI BA HUNG	AMD	53	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ VIỆT THĂNG	AMD	56-57	2	12			69	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN MINH THAI	AMD	60	1	9			75	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN THUY	AMD	61	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN TRUNG SƠN	AMD	58-59	2	12			64	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN TRUONG	AMD	52	1	4			76	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN DINH TIEN	AMD	55	1	5			57	PSV	Vietnamese
14	ĐẶNG NHÂN ĐỨC	AMD	50-51	2	16			69	PSV	Vietnamese
15	TRẦN CAO TẠNG	AMD	54	1	5			78	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN THANH PHONG	P7	08-09	2	17	2	38	75	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	HSD	6	406	8	43	0	0	4		
2	AMD	9	625	12	74	0	0	15		
3	P7	1	75	2	17	2	38	3		
<b>TOTAL</b>		<b>16</b>	<b>1.106</b>	<b>22</b>	<b>134</b>	<b>2</b>	<b>38</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.106</b>		<b>134</b>		<b>38</b>			

GRAND TOAL: 1.278 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LƯƠNG MẠNH TUẤN

BÙI HOÀNG DƯƠNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: BK3 - P10 - TTC1	CREW: HUNG - NPHÚ - TOAN	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 5	VNHS FLIGHT: TM26/1827		

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐẶNG QUANG TUẤN	BK3	72	1	16	2	30	73	XAYLAP	Vietnamese
2	ĐÀO MINH TIẾN	BK3	74	1	10	1	16	67	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN PHI HÙNG	BK3	76-77	2	12			63	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM QUANG CHUNG	BK3	64-65	2	21			52	XAYLAP	Vietnamese
5	KIỀU HẢI DƯƠNG	BK3	69-70	2	11			65	XAYLAP	Vietnamese
6	LƯƠNG MINH HIỆP	BK3	67	1	10	1	14	98	XAYLAP	Vietnamese
7	CAO VĂN HUYỀN	BK3	71	1	14			80	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN ĐÌNH HÙNG	BK3	73	1	10			70	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAN THANH NGÀ	BK3	81-82	2	20			88	XAYLAP	Vietnamese
10	VÕ HOANG TIẾN	BK3	66	1	17			77	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM TIẾN HẢI	BK3	62-63	2	21			76	XAYLAP	Vietnamese
12	CU CHI CÔNG	P10	74-75	2	18	4	80	67	XAYLAP	Vietnamese
13	LẠI ANH TUẤN	TTC1	75	1	15	2	35	106	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VĂN NGHĨ	TTC1	73-74	2	20			65	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ HỒNG LINH	TTC1	72	1	8			82	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC ĐÀO	TTC1	76-77	2	21			66	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK3	11	809	16	162	4	60	11		
2	P10	1	67	2	18	4	80	6		
3	TTC1	4	319	6	64	2	35	5		
<b>TOTAL</b>		<b>16</b>	<b>1.195</b>	<b>24</b>	<b>244</b>	<b>10</b>	<b>175</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.195</b>		<b>244</b>		<b>175</b>			

GRAND TOAL: 1.614 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HÙNG  
ĐÀO NGỌC PHÚ





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 11:30
B.CARD: XANH-3	TO:T.UNG	CREW: HOÀI - TTRUNG	ETA: 14:40
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM26/1813	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ZELENSKY A.I.	T.UNG	54	1	7			92	KH-THAC	Russian
2	PHAN VIET TUNG	T.UNG						74	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TRUNG DUONG	T.UNG	60	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM TIEN THANG	T.UNG	70	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN THANH NAM	T.UNG	66	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese
6	TÔ HIEN THANH	T.UNG	58	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM VAN THI	T.UNG	64	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
8	TÔ HUNG DUNG	T.UNG	65	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN THANH HAI	T.UNG						80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN QUOC HIEU	T.UNG	59	1	7			64	KH-THAC	Vietnamese
11	KHONG THAI BINH	T.UNG						75	KH-THAC	Vietnamese
12	LUU ĐỨC NGUU	T.UNG	61-62	2	10			67	GETRACO	Vietnamese
13	NGUYEN VAN CAO	T.UNG	57	1	15			65	CODIEN	Vietnamese
14	TRINH NGOC TU	T.UNG	53	1	3			73	CODIEN	Vietnamese
15	HA MẠNH HOANG	T.UNG	52	1	8			74	CODIEN	Vietnamese
16	HOANG ĐỨC HAI	T.UNG	55-56	2	17			71	CODIEN	Vietnamese
17	CAO XUÂN DUNG	T.UNG	51	1	13	1	10	72	CODIEN	Vietnamese
18	NGO KIM NGHIỆP	T.UNG	67-68	2	10			83	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYEN NGO HOAN	T.UNG	63	1	4			64	Y-TE	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	T.UNG	19	1.365	19	124	1	10	14		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.365</b>	<b>19</b>	<b>124</b>	<b>1</b>	<b>10</b>	<b>14</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.365</b>		<b>124</b>		<b>10</b>			

GRAND TOAL: 1.499 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CREW

NGUYỄN THỨC HÀ

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

PHẠM NGỌC HOÀI  
NGUYỄN THÀNH TRUNG

Fuel: 2250 <HP> 10k30